

Số: 738/2024/QĐST-DS

Củ Chi, ngày 20 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Anh Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Tô Thị Tuyết Mai;
- Bà Lê Thị Phương Hồ.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 357, 463, 466 468, 469, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 586/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Tuyết N, sinh năm: 1964; địa chỉ: Số F Đường số A, Khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1982; địa chỉ: Số A Đường F, Khu phố D, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền số công chứng 006676, quyền số 10/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/10/2023 tại Văn phòng C1)

- Bị đơn: Bà Phạm Thị K, sinh năm: 1962 và ông Lê Văn L, sinh năm: 1962; cùng địa chỉ: Số B Đường F, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Tuyết C, sinh năm: 1991 và bà Biện Thị Hồng H, sinh năm: 1990; cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà K, ông L, ông C và bà H: Ông Võ Trọng H1, sinh năm: 1960; địa chỉ thường trú: G-Chung cư T, I N, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: P Chung cư L, số A T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền số công chứng 00000151, quyền 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06 tháng 01 năm 2024 tại Văn phòng C2)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1]. Về số nợ: Bị đơn bà Phạm Thị K có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết N tổng số tiền là 3.172.538.000đ (ba tỷ một trăm bảy mươi hai triệu năm trăm ba

mười tám nghìn đồng), trong đó: Nợ gốc: 3.070.000.000đ (ba tỷ không trăm bảy mươi triệu đồng) và nợ lãi 102.538.000đ (một trăm lẻ hai triệu năm trăm ba mươi tám nghìn đồng). Trả một lần ngay khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

[2]. Án phí dân sự sơ thẩm là 95.450.760đ (chín mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi nghìn bảy trăm sáu mươi đồng). Bà **Phạm Thị K** tự nguyện chịu nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 95.450.760đ (chín mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi nghìn bảy trăm sáu mươi đồng).

[2.1]. Bà **Phạm Thị K**, sinh năm 1962 và bà **Lê Thị Tuyết N**, sinh năm 1964 thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà **K**, bà **N** có Đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[2.2]. Hoàn trả cho bà **N** số tiền tạm ứng án phí là 47.725.380đ (bốn mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn ba trăm tám mươi đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2023/0018586 ngày 10/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]. Về quyền yêu cầu thi hành án:

[3.1]. Kể từ ngày bà **N** có đơn yêu cầu thi hành án, bà **K** có trách nhiệm trả lãi cho bà **N** với mức lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

[3.2]. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Anh Đạt